

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**
Bản án số: 18/2018/HSST
Ngày: 20-4-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Châu và bà Trần Thị Thanh
Thẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Cum'gar

Đại diện VKSND huyện Cum'gar tham gia phiên Tòa: Bà Hoàng Thị Bích
Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong các ngày 19, 20 tháng 4 năm 2018 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân
huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý
số 12/2018/HSST ngày 12 tháng 03 năm 2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 15/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số
06/2018/HSST-QĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: MH; Tên gọi khác: Không;

Sinh năm: 1976 tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi cư trú: thôn 1, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm nông; Chức vụ trước
khi phạm tội: Đảng ủy viên (Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã MH khóa V
(nhiệm kỳ 2015- 2020); Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CM, tỉnh
Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: ML, sinh năm: 1947 (Đã chết);
mẹ: Trương Thị S, sinh năm: 1941, hiện mẹ bị cáo đang sinh sống tại thôn 1, xã
CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm: 1980; bị
cáo có 02 con. Hiện vợ, con đang sinh sống tại thôn 1, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk
Lắk; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo MH đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm
giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cư M'gar từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến
nay.

- Người bị hại:

+ Ông Lê Ngọc N (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Võ Văn H (có mặt)

Địa chỉ: thôn 1, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phan Thị H1 (có mặt)

Địa chỉ: thôn 2, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

+ Ông Lý Phúc Q (có mặt)

Địa chỉ: thôn 3, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Ngô Văn D (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 3, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Nguyễn Thị L (có mặt)

Địa chỉ: thôn 1, xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

* Người bào chữa cho bị cáo MH là Luật sư Phạm Hàm Lâm – Văn phòng Luật sư Hàm Lâm – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2015 ông Lê Ngọc N có nhu cầu xin việc cho con gái là Lê Ngọc Lê Q làm kế toán xã. Thông qua cháu gái của ông N là Lê Thùy L, ông N biết đến MH, khi đó MH đang giữ chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MH nên đến gặp MH để nhờ MH xin việc cho con gái. Sau khi gặp nhau, MH đã hứa hẹn xin việc cho con gái ông N là Lê Ngọc Lê Q, đã tốt nghiệp Đại học ngành Tài chính- Ngân hàng vào làm kế toán ở Ủy ban nhân dân xã QT, huyện CM với giá 100.000.000đồng và yêu cầu ông N đưa trước 50.000.000đồng. Số tiền còn lại khi nào cháu Q đi thi công chức, trước khi vào phòng thi thì đưa cho MH 50.000.000đồng. Ông N đồng ý và đưa cho MH 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Ngọc Lê Q, sau khi xem xong hồ sơ, MH nói để MH làm thủ tục chứng thực các giấy tờ trong hồ sơ.

Ngày 23/10/2015, ông N đưa số tiền 50.000.000đồng cho MH tại quán cà phê gần Ủy ban nhân dân xã CS, việc giao nhận tiền có viết giấy giao nhận và chữ ký của MH với nội dung “Tôi MH ở thôn 1, xã CS có nhận của ông Lê Ngọc N số tiền 50.000.000 đồng”. MH hứa hẹn cuối năm 2015 con gái ông N sẽ có việc làm nhưng đến cuối năm 2015 vẫn chưa có quyết định đi làm. Đến tháng 02/2016, Ủy ban nhân dân huyện CM có kế hoạch về việc tuyển dụng Công chức xã, thị trấn năm 2016 và Thông báo về việc tuyển dụng Công chức xã, thị trấn năm 2016, ông

N đến Phòng Nội vụ huyện mua và nộp hồ sơ để cháu Q thi tuyển Công chức nhưng không được tiếp nhận do không có nhu cầu tuyển ngành Tài chính- Ngân hàng. Sau khi không được tiếp nhận hồ sơ và biết con mình không có tên trong danh sách các thí sinh đủ điều kiện dự thi công chức xã, thị trấn được niêm yết công khai theo Quyết định số 2911 ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CM, ông N nhiều lần hỏi MH nhưng không thấy H thực hiện như cam kết và cũng không trả lại số tiền 50.000.000đồng nên ngày 14/11/2016, ông N làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của MH đến Cơ quan Công an huyện Cư M'gar.

- Vụ thứ hai:

Do biết MH đang giữ chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CS nên khoảng tháng 6/2016, ông Võ Văn H đến gặp MH tại quán cà phê gần Ủy ban nhân dân xã CưSuê để nhờ MH giúp sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đây, MH đồng ý giúp và thống nhất làm xong bìa đỏ với giá 15.000.000đồng. Đến ngày hôm sau ông H mang các giấy tờ liên quan và số tiền 10.000.000đồng đến Ủy ban nhân dân xã CưSuê đưa cho Hiền. Khoảng 01 tháng sau MH nói thiếu giấy tờ muốn làm nhanh thì đưa thêm 5.000.000đồng nên ông H đưa cho MH thêm 5.000.000đồng. Đến khoảng tháng 10/2016, MH gọi điện thoại nói bìa đỏ làm xong rồi và nói ông H đưa thêm 5.000.000đồng để lấy bìa đỏ, sau đó ông H đưa cho MH thêm 5.000.000đồng. Tổng cộng số tiền ông H đưa cho MH trong 03 lần là 20.000.000đồng, quá trình giao nhận tiền không viết giấy tờ gì. Sau khi đã đưa tiền cho MH nhưng chờ mãi không thấy Hiền đưa lại bìa đỏ nên ông H nhiều lần liên lạc hỏi và tìm đến nhà thì được vợ MH là bà Nguyễn Thị L mở cốp xe mô tô của MH lấy bìa đỏ và giấy tờ liên quan trả lại cho ông H. Sau khi nhận lại hồ sơ ông H thấy vẫn chưa được sang tên như thỏa thuận và MH không hoàn trả lại số tiền 20.000.000đồng nên ông H đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện CưM'gar đã tiếp nhận đơn tố cáo của người có liên quan, cụ thể như sau:

- Bà Phan Thị H1 có nội dung tố giác: Vào khoảng tháng 10/2015, bà H1 có nhu cầu sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh thông tin không trùng khớp với thông tin trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đến Ủy ban nhân dân xã CS bà H1 gặp MH, vì chỗ quen biết nên bà H1 hỏi MH thủ tục và nhờ MH hỏi làm giúp. Sau đó 02 ngày bà H1 hỏi MH làm được không thì MH nói giúp được nên bà H1 tự nguyện đưa trước cho MH 2.000.000đ tiền uống nước và đồ xăng. Khoảng 3 ngày sau bà H1 đến gặp MH và MH nói đưa thêm cho MH 25.000.000đ để làm chi phí. Khi đó bà H1 đã đưa thêm cho MH 25.000.000đ tại nhà MH. Sau đó nhiều lần bà H1 hỏi việc làm sổ đỏ thì MH lấy lý do bận công việc chưa hỏi giúp được nên bà H1 đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an. Đến ngày

06/11/2016, bà H1 cùng con trai là Phạm Minh T đến nhà MH để lấy số tiền và hồ sơ trước đó đã đưa cho MH. MH nói chưa có nên bà Hoa cho nợ và viết giấy nợ tiền cho bà H1. Đến ngày 13/11/2016, vợ MH đến nhà trả số tiền 27.000.000đồng cho bà H1.

- Ông Lý Phúc Q có nội dung tố giác: Do có mối quan hệ là bạn bè nên vào khoảng tháng 9/2015, ông Q gặp MH, trong lúc nói chuyện MH hứa hẹn xin việc làm cho con của ông Quang là Lý Ngọc M vào làm tại phòng Tài Nguyên - Môi trường huyện CM với chi phí là 150.000.000đ. Ngày 15/9/2015, ông Q giao số tiền 70.000.000đ cho MH, sau đó H yêu cầu đưa thêm 30.000.000đồng thì ông Q giao số tiền 30.000.000đ cho MH. Vào khoảng tháng 3/2016, H yêu cầu ông Q đưa số tiền còn lại là 50.000.000đ sẽ có Quyết định đi làm nên ông Q đã giao số tiền 50.000.000đ cho MH. Tổng cộng ông Q đã đưa cho MH số tiền 150.000.000đ còn Lý Ngọc M đưa cho MH 01 bộ hồ sơ, quá trình giao nhận tiền không viết giấy tờ và không có ai chứng kiến. Sau khi nhận đủ tiền và hồ sơ thì cháu M không có việc làm như đã hứa hẹn, H cũng không trả lại tiền nên ông Q đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an.

- Ông Ngô Văn D có nội dung tố giác: Vào ngày 06/10/2016, MH đến đại lý thu mua nông sản của ông D xin chốt số cà phê là 526kg cà phê nhân, giá thị trường là 43.500đồng/kg, thành tiền là 22.800.000đ, vợ ông D đã giao số tiền trên cho MH và MH viết giấy mượn cà phê hẹn đến ngày 30/12/2016 sẽ trả. Đến ngày 26/11/2016, MH tiếp tục đến nhà ông D xin chốt thêm 474kg cà phê nhân để đủ 01 tấn, vợ ông D đồng ý và giao số tiền 22.600.000đ cho MH, MH viết giấy mượn cà phê. Đến mùa cà phê năm 2016 không thấy H đến trả lại số cà phê đã mượn nên ông D đã tìm gặp MH hỏi thì H viết giấy mượn hẹn đến ngày 18/3/2017 sẽ trả 01 tấn cà phê, đến hẹn MH vẫn không trả số cà phê trên cho ông D nên ông D đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an.

Trong thời gian Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar tiến hành xác minh, lấy lời khai của những người có đơn tố giác thì 13/11/2016 ông H đã trả lại số tiền 27.000.000đ cho bà H1; Ngày 16/11/2016 ông MH đã trả lại số tiền 50.000.000đ cho ông N và ngày 01/12/2016 ông MH trả lại số tiền 20.000.000đ cho ông H.

Ngày 05/10/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Cư M'gar đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết được ghi trong giấy nhận tiền đề ngày 01/12/2016, đơn đề nghị đính chính đề ngày 06/06/2016, lời chứng thực của Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã CS đề ngày 06/6/2016; chữ ký, chứng thực trong hồ sơ xin việc của Lê Ngọc Lê Q đóng dấu chứng thực ngày 19/10/2015 (gồm chứng chỉ tiếng anh, chứng chỉ tin học ứng dụng, bằng cử nhân Tài chính- Ngân hàng,

chứng chỉ tốt nghiệp khoa kế toán- kiểm toán). Tại bản kết luận giám định số 646 ngày 21/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: các chữ ký, chữ viết đứng tên MH trong các tài liệu trên đều do MH ký và viết ra. Riêng phần chữ viết có nội dung “để mua bida” trong giấy nhận tiền đề ngày 01/12/2016 là nội dung được điền thêm.

Ngày 10/01/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện CM đã ra Quyết định trưng cầu giám định về chữ ký và hình dấu tròn đỏ có nội dung “UBND XÃ CUSUÊ H CUM’GAR T ĐĂKLĂK” trong Đơn đề nghị đính chính đề ngày 06/06/2016, lời chứng thực của Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã CS đề ngày 06/6/2016; chữ ký, chứng thực trong hồ sơ xin việc của Lê Ngọc Lệ Q đóng dấu chứng thực ngày 19/10/2015 (gồm chứng chỉ tiếng anh, chứng chỉ tin học ứng dụng, bằng cử nhân Tài chính- Ngân hàng, chứng chỉ tốt nghiệp khoa kế toán- kiểm toán). Tại bản kết luận giám định số 171 ngày 19/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: các dấu tròn đỏ có nội dung “UBND XÃ CUSUÊ H CUM’GAR T ĐĂKLĂK” trong các tài liệu trên đều là con dấu chính thức của Ủy ban nhân dân xã CS đã được đăng ký. Đối với các chữ ký đứng tên MH trong các tài liệu trên thì hình dấu có trước, chữ ký có sau.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ giấy tờ gồm: 01 giấy giao nhận tiền đề ngày 23/10/2015; 01 giấy nhận tiền đề ngày 01/12/2016, đơn đề nghị đính chính đề ngày 06/06/2016, lời chứng thực của Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã CS đề ngày 06/6/2016; 01 hồ sơ xin việc của Lê Ngọc Lệ Q (gồm chứng chỉ tiếng anh, chứng chỉ tin học ứng dụng, bằng cử nhân Tài chính- Ngân hàng, chứng chỉ tốt nghiệp khoa kế toán- kiểm toán, tất cả là bản phô tô).

Về dân sự: Người bị hại ông Lê Ngọc N và ông Võ Văn H không yêu cầu gì thêm về dân sự

Cáo trạng số 13/CT- VKS ngày 12/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M’gar đã truy tố bị cáo MH về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1, điểm d, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M’gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo MH như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo MH phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo MH từ 02 đến 03 năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 25/9/2017.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 42 Bộ luật hình sự 1999;

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Ngọc N và ông Võ Văn H không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra để giải quyết

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ giấy tờ gồm: 01 giấy giao nhận tiền đề ngày 23/10/2015; 01 giấy nhận tiền đề ngày 01/12/2016, đơn đề nghị đình chính đề ngày 06/06/2016, lời chứng thực của Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã CưSuê đề ngày 06/6/2016; 01 hồ sơ xin việc của Lê Ngọc Lê Q (gồm chứng chỉ tiếng anh, chứng chỉ tin học ứng dụng, bằng cử nhân Tài chính- Ngân hàng, chứng chỉ tốt nghiệp khoa kế toán- kiểm toán đều là bản phô tô) các giấy được lưu trong hồ sơ nên không đề nghị xử lý.

Tại Phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình, ông H2 trưởng công an xã CS có hướng dẫn bị hại làm đơn tố cáo bị cáo nên cần triệu tập ông H2 để làm rõ, sau khi có đơn tố cáo bị cáo ngày 14/11/2016 thì ngày 16/11/2016 bị cáo đã trả lại số tiền 50.000.000đồng cho bị hại nên bị cáo đã tự ý nửa chừng chấm dứt phạm tội vì trong thời gian đó ông N không có việc thông báo cho bị cáo và bị cáo lại đang làm thuê ở tại tỉnh Đắk Nông. Đối với số tiền mà bị cáo nhận của ông H thì trong hồ sơ không thể hiện bị cáo đã nhận tiền để làm hồ sơ chuyển nhượng đất và vợ bị cáo MH là bà L cũng không thừa nhận đưa lại bì đỏ đỏ cho ông H. Do đó, cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ý kiến đối đáp tranh luận của Viện kiểm sát: Đơn thư tố cáo của ông N và ông H đều thể hiện ý chí của 2 ông, có chữ ký và được các bị hại xác nhận các nội dung tố cáo trong đơn là có thật. Do đó, không có căn cứ cho rằng ông H2 trưởng công an xã CS có can thiệp vào nội dung đơn này, ý kiến của luật sư đề nghị trả hồ sơ do phát sinh tình tiết mới là không có căn cứ. Đối với hành vi nhận tiền của ông N, hành vi lừa dối chiếm đoạt số tiền 50.000.000đồng đã hoàn thành, đủ dấu hiệu cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do đó không được xem là tự ý nửa chừng chấm dứt phạm tội như luật sư đã nhận định. Đối với việc nhận tiền của ông H, mặc dù bị cáo không thừa nhận nhưng lời khai của người làm chứng ông Ngô Văn L, các tài liệu giám định đều thể hiện bị cáo có nhận hồ sơ, xác nhận chứng thực vào các thủ tục giấy tờ nên đủ căn cứ buộc tội bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 20.000.000đồng của ông H.

Tại phiên tòa bị cáo khai là có quen với một người tên là sếp H3 nên bị cáo có nhờ người này xin việc cho, tuy nhiên không xin được việc nên bị cáo đã trả

tiền lại cho ông N. Đối với số tiền ghi nhận trong giấy nhận tiền ngày 01/12/2016 có chữ ký của bị cáo và ông H là do bị cáo cùng với ông H hùn vốn mở quán Bi Da sau đó không làm chung, ông H đã trả lại số tiền 15.000.000đồng cho bị cáo.

Bị hại ông Lê Ngọc N: Khi viết đơn tố cáo Công an xã CS chỉ hướng dẫn tôi hình thức viết đơn còn nội dung đơn là do tôi tự trình bày. Còn những vấn đề khác tôi không có ý kiến. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại ông Võ Văn H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp tranh luận gì. Tất cả đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đối với hành vi nhận 50.000.000đồng của ông N bị cáo không có ý định lừa lọc, đối với hành vi nhận tiền của ông H thì bị cáo không sai. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình sự để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Huyện Cư Mgar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn D: Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt vì họ đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ.

[3] Về nội dung:

Đối với vụ thứ nhất:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận trong thời gian làm phó chủ tịch xã MH bị cáo có quen với người tên “sếp H3” nhưng không rõ tên tuổi, nơi công tác, cư trú cụ thể. Bị cáo đã đưa cho “sếp H3” toàn bộ hồ sơ và số tiền

50.000.000đồng mà bị cáo nhận từ ông N để xin việc. Do không xin được việc nên sau đó “sếp H3” trả tiền lại cho bị cáo và không trả hồ sơ xin việc. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc ngày 15/12/2016 (bút lục số 213) trong khi sắp xếp tại phòng làm việc của bị cáo MH đã thu giữ hồ sơ xin việc của Lê Ngọc Lê Q. Ngoài ra, qua xác minh tại phòng nội vụ huyện CM và Ủy ban nhân dân xã QT không có con gái ông N là Lê Ngọc Lê Q trong danh sách tuyển dụng và không đủ điều kiện dự thi vào tháng 6/2016 nên ông N mới làm đơn kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết vào ngày 14/11/2016 và ngày 16/11/2016 bị cáo MH đã trả số tiền 50.000.000đ cho ông N. Từ những chứng cứ trên là phù hợp với lời khai của người bị hại tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo MH cho rằng bị cáo hành vi nhận tiền 50.000.000đồng của ông N là nửa chừng chấm dứt việc phạm tội do ngày 14/11/2016 bị hại làm đơn kiến nghị thì ngày 16/11/2016 bị cáo đã trả lại số tiền trên cho bị hại. Hội đồng xét xử xét hành vi của bị cáo không phải tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội vì trước khi ông N làm đơn tố giác N đã đòi số tiền đưa cho bị cáo nhiều lần sau khi biết con của ông N không có tên con ông trong danh sách thi tuyển được niêm yết tại xã. Ngày 14/11/2016 ông N làm đơn tố giác về hành vi bị cáo nhận tiền của ông thì ngày 16/11/2016 bị cáo mới thực hiện việc trả lại số tiền trên cho bị hại. Vì vậy, Tội phạm đã hoàn thành, số tiền mà bị cáo trả cho bị hại sau khi có đơn tố giác chỉ được xem là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Luật sư.

Vụ thứ hai:

Bị cáo khai nhận: Đối với số tiền 20.000.000đồng mà bị cáo nhận của ông Võ Văn H để làm thủ tục giấy tờ sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng vì bị cáo góp vốn với ông H để mở quán Bi Da. Lời khai nhận của bị cáo là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vì giữa ông H và bị cáo không có việc hùn vốn mở quán Bi da và theo kết quả giám định dòng chữ “Để mua bi da còn lại 5.000.000đ” là do bị cáo tự ý điền thêm vào. Ngoài ra, bị cáo MH có chứng thực hồ sơ của ông H nhưng qua xác minh tại bộ phận một cửa thì số ngày chứng thực không đúng với sổ theo dõi tại bộ phận một cửa, con dấu của Ủy ban nhân dân xã CS đóng trước và chữ ký của bị cáo đề lên con dấu. Điều này cũng phù hợp với các lời khai của người bị hại và người làm chứng là ông Ngô Văn L.

Tại phiên tòa luật sư cho rằng trong hồ sơ không thể hiện bị cáo đã nhận tiền 20.000.000đ của ông H để làm hồ sơ chuyển nhượng đất và bà Loan cũng không thừa nhận đưa lại bì đỏ cho ông H nên trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tuy nhiên, từ những phân tích ở trên thấy rằng lời khai nhận của người bị hại phù hợp với các

chứng cứ đã được xác minh, thu thập có trong hồ sơ đã rõ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung của luật sư.

Như vậy, trong thời gian giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CS, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk từ tháng 01/2015 đến tháng 10/2016, MH đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, hứa hẹn, chứng thực các loại giấy tờ nhằm tạo lòng tin để ông Lê Ngọc N tin tưởng giao số tiền 50.000.000đồng để xin việc cho con ông N và Võ Văn H giao số tiền 20.000.000đ để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận được tiền bị cáo không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Do đó, hành vi của bị cáo MH như đã nhận định trên đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo phải biết được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo tạo niềm tin với những người bị hại dù không có khả năng xin việc cũng như không có thẩm quyền làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân. Bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt của ông Lê Ngọc N và ông Võ Văn H tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Bị cáo MH đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản một lần với ông Lê Ngọc N và một lần với ông Võ Văn H nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Tuy nhiên, xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã cùng với gia đình tự nguyện trả lại cho những người bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 70.000.000đ để khắc phục hậu quả và đã được những người bị hại làm đơn bãi nại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[6] Trong vụ án này: Đối với các nội dung đơn tố giác của bà Phan Thị H, ông Lý Phúc Q, lời khai của các bên và bị cáo MH mâu thuẫn với nhau. Trên cơ sở chứng cứ hồ sơ vụ án không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với MH về hành vi này.

Đối với đơn tố giác của ông Ngô Văn D thì đây là số tiền mà bị cáo MH chót cả phê nhân tại nhà ông D, việc chót cả phê giữa bị cáo và ông D là giao dịch dân sự mua bán với nhau nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Nguyễn Thị L (vợ MH), quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh việc bà L có liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của MH nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Ngọc N và ông Võ Văn H không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra để giải quyết

[8] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ giấy tờ gồm: 01 giấy giao nhận tiền đề ngày 23/10/2015; 01 giấy nhận tiền đề ngày 01/12/2016, đơn đề nghị đính chính đề ngày 06/06/2016, lời chứng thực của Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã CS đề ngày 06/6/2016; 01 hồ sơ xin việc của Lê Ngọc Lê Q (gồm chứng chỉ tiếng anh, chứng chỉ tin học ứng dụng, bằng cử nhân Tài chính- Ngân hàng, chứng chỉ tốt nghiệp khoa kế toán- kiểm toán) là các giấy tờ lưu trong hồ sơ nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 139, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo MH phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt MH **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 25/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 42 Bộ luật hình sự 1999:

Chấp nhận bị cáo MH cùng gia đình đã trả lại cho ông Lê Ngọc N số tiền 50.000.000đ và ông Võ Văn H số tiền 20.000.000đ.

Về vật chứng vụ án: 01 giấy giao nhận tiền đề ngày 23/10/2015; 01 giấy nhận tiền đề ngày 01/12/2016, đơn đề nghị đính chính đề ngày 06/06/2016, lời chứng thực của Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã CS đề ngày 06/6/2016; 01 hồ sơ xin việc của Lê Ngọc Lê Q (gồm chứng chỉ tiếng anh, chứng chỉ tin học ứng dụng, bằng cử nhân Tài chính- Ngân hàng, chứng chỉ tốt nghiệp khoa kế toán- kiểm toán) là các giấy tờ lưu trong hồ sơ nên không đề cập xử lý.

Về Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC
- Công an huyện; Sở tư pháp;
- THA hình sự; THA dân sự;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Ngọc Thắng